

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 22 - 5- 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 705/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh 1992; có mặt.

Địa chỉ: Khối T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh 1991; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Trước khi kết hôn, chị và anh

Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu 05 năm, rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 5 năm 2012 tại UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn anh chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn một thời gian cho đến khi có con thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T sống không quan tâm đến vợ con, đi sớm về khuya chị khuyên bảo anh không nghe mà còn đánh chị nhiều lần, cha mẹ chị đã hòa giải khuyên bảo nhưng anh vẫn không nghe mà còn đánh chị trước mặt họ. Do đó từ tháng 8 năm 2018 chị đã bỏ về phía cha mẹ chị tại khối , trị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định, sống ly thân với anh T cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2013, hiện con đang ở với chị, nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ gì vợ chồng chị.

Vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 02/5/2019, phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh công nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn của vợ chồng anh như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D hiểu lầm anh rồi dẫn đến vợ chồng kinh cãi, vì vậy từ tháng 8 năm 2018 chị D đã bỏ về phía cha mẹ, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng anh không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 24/5/2012, nên hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp. Chị D xin ly hôn với anh T, với lý do anh T không lo cho vợ con, mà thường xuyên đi sớm về muộn chị hỏi thì anh không nói dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kinh cãi nhiều lần, anh còn đánh chị trước mặt cha mẹ của chị. Anh Nguyễn Văn T cho rằng mâu thuẫn của anh chị không đến mức phải ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn mà xin Tòa cho vợ chồng anh đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”, nhưng theo lời khai của chị D trong quá trình chung sống, anh chị không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh T đi sớm về muộn, chị D cũng không biết anh đi đâu, làm gì; chị đau ốm cũng không ai chăm sóc, chia sẻ, chị cho rằng nếu anh chị tiếp tục chung sống với nhau cũng không hạnh phúc và từ tháng 8 năm 2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, nên tình cảm hiện nay cũng không còn. Tòa án đã kiên trì hòa giải và phân tích rõ ý nguyện, mong muốn của anh T là được đoàn tụ, nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn và từ khi hòa giải đến phiên tòa hôm nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên, nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị D và anh T đều thống nhất anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2013, hiện nay cháu B đang sống chung với chị D. Tính đến nay cháu B được gần 06 tuổi, nên cần người chăm sóc, giáo dục. Chị D và anh T đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu B và không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh T không thỏa thuận được người nuôi con, Hội đồng đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Xét thấy cháu B còn nhỏ và đang sống với chị D, chị D hiện tại có nơi ở và công việc thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho chị và cháu. Mặc khác trong thời gian anh chị ly thân cho đến nay chị D vẫn đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B phát triển bình thường, nên giao cháu Nguyễn Quốc B cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án chị D đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp

nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên, nhưng chị D vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân anh chị không nợ ai cũng không ai nợ anh chị.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn theo qui định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị D và anh T tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/6/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở với chị D, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, mà chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002809, ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/5/2019). Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quý Phúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Mậu Phạm Thị Tuyết Mai

Nguyễn Quý Phúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghĩa